

NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT DI SẢN VĂN HÓA

T.S. NGUYỄN THẾ HÙNG* - T.S. NGUYỄN HỮU TOÀN**

I. Giới thiệu chung

Thực hiện Nghị quyết số 27/2008/QH12 ngày 15 tháng 11 năm 2008 của Quốc hội về chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2009 và bổ sung chương trình xây dựng luật, pháp lệnh của Quốc hội nhiệm kỳ khóa XII (2007 - 2011); thực hiện Nghị quyết số 713/2008/UBTVQH12 ngày 11 tháng 12 năm 2008 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc triển khai thực hiện Nghị quyết của Quốc hội về chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2009 và bổ sung chương trình xây dựng luật, pháp lệnh của Quốc hội nhiệm kỳ khóa XII (2007 - 2011), Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã thành lập Ban Soạn thảo xây dựng Dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật di sản văn hóa. Sau một thời gian nỗ lực soạn thảo, ngày 18 tháng 6 năm 2009, tại Kỳ họp thứ 5 Quốc hội Khóa XII, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật di sản văn hóa đã được Quốc hội biểu quyết thông qua, với số phiếu tán thành là 91,89%. Ngày 03 tháng 7 năm 2009, Chủ tịch nước đã ký *Lệnh công bố Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật di sản văn hóa.*

II. Những nội dung chủ yếu của Luật

1. Khái quát

Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật di sản văn hóa gồm 4 Điều:

* CỤC TRƯỞNG CỤC DI SẢN VĂN HÓA

** CỤC DI SẢN VĂN HÓA

- Điều 1: Quy định về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của *Luật di sản văn hóa* - Bao gồm 25 khoản, thể hiện việc sửa đổi, bổ sung các Điều 4, 13, 17, 18, 21, 25, 26, 28, 29, 30, 31, 32, 33, 34, 35, 37, 38, 41, 42, 47, 48, 50 và quy định bãi bỏ Điều 35 (vì nội dung Điều này đã được quy định tại Điều 34 mới), bổ sung Điều 41a (quy định về bảo vật quốc gia).

- Điều 2: Quy định về việc thay thế một số cụm từ trong các điều khoản của *Luật di sản văn hóa* (thay thế cụm từ "Bộ Văn hóa - Thông tin" bằng cụm từ "Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch" và thay thế cụm từ "văn hóa - thông tin" bằng cụm từ "văn hóa, thể thao và du lịch" cho phù hợp với tên gọi cơ quan hành chính hiện nay; thay thế cụm từ "sở hữu toàn dân" bằng cụm từ "sở hữu nhà nước" cho phù hợp với quy định tại Bộ Luật dân sự).

- Điều 3: Quy định về việc sửa đổi, bổ sung Điều 65 của *Luật thi đua, khen thưởng* (quy định danh hiệu "Nghệ nhân nhân dân", "Nghệ nhân ưu tú" để tặng cho cá nhân có công bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hoá phi vật thể và tiêu chuẩn của các cá nhân được xét tặng danh hiệu "Nghệ nhân nhân dân", "Nghệ nhân ưu tú").

- Điều 4: Quy định về việc thi hành Luật này.

2. Những quy định cơ bản của Luật

2.1. Sửa đổi, bổ sung một số khái niệm liên quan đến lĩnh vực di sản văn hóa:

- Sửa đổi khái niệm "Di sản văn hóa phi vật thể" (khoản 1 Điều 4) nhằm làm rõ những yếu tố cơ bản tạo nên di sản văn hóa phi vật thể: chủ thể sáng tạo + không gian văn hóa + quá trình lưu truyền và tái tạo không ngừng - Theo đó, khái niệm mới là:

"1. Di sản văn hóa phi vật thể là sản phẩm tinh thần gắn với cộng đồng hoặc cá nhân, vật thể và không gian văn hóa liên quan, có giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học, thể hiện bản sắc của cộng đồng, không ngừng được tái tạo và được lưu truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác bằng truyền miệng, truyền nghề, trình diễn và các hình thức khác."

Bổ sung 02 khái niệm: "Kiểm kê di sản văn hóa" (khoản 14 Điều 4):

"14. Kiểm kê di sản văn hóa là hoạt động nhận diện, xác định giá trị và lập danh mục di sản văn hóa".

"Kiểm kê di sản văn hóa" là một hoạt động khoa học chuyên ngành. Vì vậy, cần giải thích rõ khái niệm này để phân biệt với hoạt động

kiểm kê nói chung. Việc bổ sung nội dung giải thích khái niệm "Kiểm kê di sản văn hóa" là cần thiết vì nó liên quan đến việc sửa đổi cơ bản quy định về hoạt động bảo tồn di sản văn hóa phi vật thể ở Điều 18 và bảo tồn di tích, danh lam thắng cảnh ở Điều 33.

- Bổ sung khái niệm "Yếu tố gốc cấu thành di tích" (khoản 15 Điều 4):

"15. Yếu tố gốc cấu thành di tích là yếu tố có giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học, thẩm mỹ, thể hiện đặc trưng của di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh."

Khái niệm "Yếu tố gốc cấu thành di tích" cần được làm rõ để thống nhất nhận thức về di tích và hoạt động bảo tồn, tu bổ di tích. Việc bổ sung nội dung giải thích khái niệm này là cần thiết vì nó liên quan đến sửa đổi cơ bản quy định về hoạt động bảo tồn di tích ở Điều 32 và Điều 34.

- Sửa đổi, bổ sung nội dung khái niệm về "Bảo tàng" thuộc Điều 47 và chuyển thành khoản 16 Điều 4, cụ thể:



Đoàn Đại biểu Quốc hội thăm công trường tu bổ đình Chu Quyến- Hà Nội (2009) -

Ảnh: Định Phong

"16. Bảo tàng là thiết chế văn hóa có chức năng sưu tầm, bảo quản, nghiên cứu, trưng bày, giới thiệu di sản văn hóa, bằng chứng vật chất về thiên nhiên, con người và môi trường sống của con người, nhằm phục vụ nhu cầu nghiên cứu, học tập, tham quan và hưởng thụ văn hóa của công chúng."

Việc sửa đổi, bổ sung khái niệm về bảo tàng được thực hiện đồng thời với việc sửa đổi, bổ sung quy định về nhiệm vụ của các bảo tàng (Điều 48) nhằm nhấn mạnh, đồng thời cụ thể hóa các chức năng, nhiệm vụ của bảo tàng, đặc biệt là nhiệm vụ sưu tầm, nghiên cứu, giới thiệu di sản văn hóa phi vật thể và tổ chức các dịch vụ phục vụ khách tham quan phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của bảo tàng.

2.2. Về lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể

- Bổ sung quy định cụ thể về các biện pháp bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể (Điều 17)

- Quy định về việc kiểm kê di sản văn hóa phi vật thể và lựa chọn di sản văn hóa phi vật thể của các địa phương để đưa vào Danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia, đồng thời cấp giấy chứng nhận cho các di sản văn hóa phi vật thể này (Điều 18) nhằm đáp ứng nguyện vọng của nhân dân, đồng thời đảm bảo phù hợp với tinh thần của Công ước Bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể của UNESCO năm 2003 - ở đây, có vấn đề cần lưu ý là, Luật chỉ quy định việc xem xét, lựa chọn các di sản văn hóa phi vật thể để đưa vào Danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia, mà không đặt vấn đề xếp hạng di sản văn hóa phi vật thể, vì di sản văn hóa phi vật thể là những giá trị tinh thần thiêng liêng, gắn bó mật thiết với mỗi cộng đồng, làm nên bản sắc của cộng đồng. Việc so sánh di sản văn hóa phi vật thể của cộng đồng này với cộng đồng khác để xếp hạng chúng theo giá trị và tầm ảnh hưởng là rất khó thực hiện, đồng thời cũng không phù hợp với nguyên tắc tôn trọng đa dạng văn hoá. Trong thư gửi Cục Di sản văn hóa, Ủy ban Quốc gia UNESCO Việt Nam và Phái đoàn Thường trực của Việt Nam bên cạnh UNESCO, ngày 29/5/2009, Trưởng ban Di sản văn hóa phi vật thể của UNESCO đã đánh giá cao việc bổ sung quy định này và coi đây là "một trong những nhiệm vụ cốt yếu mà Việt Nam là Quốc gia thành viên của Công

ước về bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể cần phải thực hiện", đồng thời khẳng định việc "xếp hạng" di sản văn hóa phi vật thể "không phải là tinh thần của Công ước 2003" (Công ước về bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể) vì "nếu đem so sánh và xếp hạng di sản của một cộng đồng này giá trị hơn hay kém di sản của một cộng đồng khác là không thích đáng".

- Bổ sung quy định cụ thể về các biện pháp bảo vệ và phát triển tiếng nói, chữ viết của các dân tộc thiểu số ở Việt Nam (Điều 21):

- Bổ sung quy định cụ thể về các biện pháp bảo vệ và phát huy giá trị văn hóa của các lễ hội truyền thống (Điều 25).

- Bổ sung quy định cụ thể về việc tôn vinh và chính sách đãi ngộ của nhà nước đối với các cá nhân hoạt động trên lĩnh vực bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể, đồng thời quy định việc Chính phủ ban hành chính sách đãi ngộ cụ thể đối với các đối tượng này (Điều 26) - Điều 26 Luật di sản văn hóa năm 2001 có quy định về việc nhà nước tôn vinh và có chính sách đãi ngộ đối với các cá nhân hoạt động trên lĩnh vực bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể, nhưng chưa xác định cụ thể các hình thức tôn vinh và các chính sách đãi ngộ cụ thể đối với các nghệ nhân, nên không có tính khả thi trong thực tiễn đời sống. Vì vậy, cùng với việc sửa đổi, bổ sung Điều 26 như trên, Luật này còn quy định việc sửa đổi, bổ sung Điều 65 Luật thi đua khen thưởng, mở rộng việc xét tặng danh hiệu "Nghệ nhân nhân dân", "Nghệ nhân ưu tú" cho cá nhân có công bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hoá phi vật thể, đồng thời quy định cụ thể tiêu chí xét tặng hai danh hiệu trên cho các cá nhân. Những quy định này đã thực sự tạo điều kiện thuận lợi cho việc động viên, khen thưởng kịp thời đối với các cá nhân có đóng góp đặc biệt trong lĩnh vực bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hoá phi vật thể (Điều 65 Luật thi đua, khen thưởng trước đây quy định các danh hiệu cao quý trên chỉ dành để xét tặng cho các đối tượng hoạt động trong nghề thủ công mỹ nghệ truyền thống - đây chỉ là một đối tượng cụ thể, có phạm vi hẹp, trong tổng thể lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể vốn rất rộng lớn).

2.3. Về lĩnh vực di tích lịch sử - văn hóa và

danh lam thắng cảnh

- Bổ sung quy định cụ thể về tiêu chí xếp hạng di tích lịch sử - văn hóa và danh lam thắng cảnh cấp tỉnh, cấp quốc gia và cấp quốc gia đặc biệt (Điều 29), bổ sung quy định về thẩm quyền xếp hạng di tích (Điều 30), thủ tục xếp hạng di tích (Điều 31) nhằm tạo điều kiện cho các địa phương chủ động hơn trong việc lập kế hoạch và triển khai lập hồ sơ xếp hạng di tích, đồng thời đưa việc xếp hạng di tích vào nề nếp, đảm bảo yêu cầu khoa học hơn.

- Sửa đổi, bổ sung quy định về việc xác định khu vực bảo vệ di tích, yêu cầu cụ thể đối với việc cắm mốc giới khu vực bảo vệ di tích, bảo vệ các khu vực bảo vệ của di tích (Điều 32) - Trong thực tiễn thực hiện *Luật di sản văn hóa* năm 2001, việc xác định khu vực bảo vệ đã có lúc làm khó cho việc tôn tạo, phát huy và gắn di tích với phát triển kinh tế - xã hội. (Trước đây, do quy định khu vực bảo vệ I phải được "bảo vệ nguyên trạng" nên đã có quan niệm cứng nhắc rằng: bảo vệ nguyên trạng thì phải giữ nguyên, không được làm gì; theo đó, tu bổ di tích cũng là làm mất đi nguyên trạng. Nay quy định cụ thể khu vực bảo vệ I phải được bảo vệ nguyên trạng về mặt bằng và không gian, đồng thời quy định "Trường hợp đặc biệt có yêu cầu xây dựng công trình trực tiếp phục vụ việc bảo vệ và phát huy giá trị di tích, việc xây dựng phải được sự đồng ý bằng văn bản của người có thẩm quyền xếp hạng di tích đó". Quy định như vậy là hợp lý vì trên thực tế có nhiều di tích chỉ có khu vực bảo vệ I (nhất là di tích ở các đô thị), có một số di tích có diện tích rộng vài hecta hoặc hàng chục hecta và có dân cư sinh sống, làm ăn bên trong như Thành nhà Hồ ở Thanh Hóa, Hoàng thành ở Huế hay Thành Cổ Loa ở Hà Nội... Trong cả hai trường hợp trên, việc cho phép xây dựng một số công trình thiết yếu phục vụ việc sử dụng, phát huy giá trị di tích và đời sống của người dân trong khu vực bảo vệ I của di tích đều hết sức cần thiết, đặc biệt là trường hợp di tích chỉ có khu vực bảo vệ I (xây dựng nhà trưng bày, cải tạo nhà vệ sinh phục vụ khách tham quan; sửa chữa, cải tạo nhà ở của nhân dân...). Dĩ nhiên, Luật này đã quy định rõ, trong mọi trường hợp, việc xây dựng công trình ở khu vực bảo vệ I cũng như ở khu vực bảo vệ

II của di tích đều phải được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và "không được làm ảnh hưởng đến yếu tố gốc cấu thành di tích, cảnh quan thiên nhiên và môi trường- sinh thái của di tích").

Tại Điều 32 của Luật này cũng bổ sung quy định khu vực bảo vệ II của di tích bao gồm cả khu vực "tiếp giáp" di tích để việc khoanh vùng bảo vệ di tích phù hợp với thực tiễn, vì không phải di tích nào cũng có thể có khu vực II bao quanh khu vực I như quy định trước đây.

Những sửa đổi, bổ sung lần này đã làm rõ hơn yêu cầu bảo vệ, thẩm quyền xử lý của các cấp chính quyền đối với các khu vực bảo vệ, làm rõ hơn nguyên tắc ứng xử trong công tác bảo vệ di sản văn hóa.

- Bổ sung quy định về phạm vi điều chỉnh của Luật này đối với các đối tượng có tiêu chí là di tích và danh thắng như quy định tại Điều 28 mà đã được UBND cấp tỉnh đưa vào danh mục kiểm kê di tích của địa phương (khoản 4 Điều 33) - cụ thể: "4. Các công trình xây dựng, địa điểm, cảnh quan thiên nhiên, khu vực thiên nhiên có tiêu chí như quy định tại Điều 28 của Luật này, đã được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đưa vào danh mục kiểm kê di tích của địa phương, được bảo vệ theo quy định của Luật này.

Ít nhất 5 năm một lần, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức rà soát và quyết định đưa ra khỏi danh mục kiểm kê di tích của địa phương các công trình xây dựng, địa điểm, cảnh quan thiên nhiên, khu vực thiên nhiên không đủ tiêu chuẩn xếp hạng di tích."

Như vậy, theo Luật này, đối tượng di tích và danh thắng được quản lý đã mở rộng hơn, qua đó, đặt cơ sở pháp lý cho việc bảo vệ tối đa các di sản văn hóa của đất nước. Điều đó đặt ra nhiệm vụ cho toàn ngành là phải tập trung hoàn thành việc kiểm kê các đối tượng có tiêu chí là di tích và danh thắng để Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố kịp thời công bố theo luật định, đồng thời phải tăng cường công tác quản lý các hoạt động tu bổ, tôn tạo tại các công trình, địa điểm này, nhằm khắc phục tình trạng lầy lý do di sản "chưa được xếp hạng" mà tùy tiện trong các hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị.

- Bổ sung quy định về các yêu cầu cụ thể đối với hoạt động bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích, trong đó nhấn mạnh quan điểm các hoạt động này đều phải đảm bảo “Giữ gìn tối đa các yếu tố gốc cấu thành di tích”; đồng thời bổ sung quy định về việc lập dự án, công bố dự án tu bổ, bảo quản, phục hồi di tích, việc yêu cầu các tổ chức và cá nhân lập và thực hiện dự án bảo tồn di tích phải có giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề và giấy phép hành nghề, đồng thời bổ sung quy định về việc giao “Chính phủ quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục lập, phê duyệt quy hoạch, dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích” (Điều 34) nhằm tháo gỡ các khó khăn trong hoạt động bảo quản, tu bổ và phục hồi di tích - vì tu bổ di tích là lĩnh vực hoạt động có tính đặc thù, khác với việc xây dựng cơ bản. Nhiệm vụ đặt ra là, toàn ngành cần tập trung nghiên cứu xây dựng để trình Chính phủ kịp thời ban hành nghị định quy định về việc này vào thời điểm Luật có hiệu lực (01 - 01 - 2010).

- Bổ sung quy định về việc lập, phê duyệt, công bố quy hoạch khảo cổ ở cấp tỉnh và việc xây dựng, cải tạo các công trình phục vụ phát triển kinh tế - xã hội tại các địa điểm thuộc quy hoạch khảo cổ, đồng thời quy định cụ thể về nguồn kinh phí cấp cho việc thăm dò, khai quật khảo cổ tại các địa điểm thuộc dự án xây dựng, cải tạo công trình mới (Điều 37), nhằm tạo cơ sở pháp lý cho việc bảo vệ các địa điểm, di tích khảo cổ, đồng thời tạo điều kiện cho các chủ đầu tư khi triển khai các dự án phát triển kinh tế - xã hội có thể chủ động tính toán các biện pháp phối hợp để bảo vệ di tích, danh lam thắng cảnh.

- Quy định về việc phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp tỉnh cấp giấy phép khai quật khảo cổ khẩn cấp (Điều 38).

2.4. Về lĩnh vực di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia

- Bổ sung một điều mới (Điều 41a) quy định về tiêu chí xếp hạng và việc bảo vệ, phát huy giá trị đối với bảo vật quốc gia.

- Bổ sung quy định về quyền của các chủ sở hữu di vật, cổ vật đã đăng ký, đồng thời bổ sung quy định về việc xã hội hóa hoạt động giám định cổ vật (Điều 42) nhằm nâng cao tính khả thi của việc giám định, đăng ký di vật, cổ

vật, khuyến khích việc đăng ký di vật, cổ vật của các chủ sở hữu.

2.5. Về lĩnh vực bảo tàng

- Sửa đổi, bổ sung quy định về việc phân loại hệ thống bảo tàng (Điều 47) theo hướng phân loại hệ thống bảo tàng Việt Nam bao gồm bảo tàng công lập và bảo tàng ngoài công lập, nhằm đảm bảo tính thống nhất trong tiêu chí phân loại bảo tàng; đồng thời phân loại chi tiết hơn hệ thống bảo tàng công lập cho phù hợp với thực tiễn. Việc phân loại hệ thống bảo tàng như vậy sẽ tạo cơ sở cho việc quy định thẩm quyền thành lập, cấp phép hoạt động bảo tàng được hợp lý hơn.

- Bổ sung quy định về nhiệm vụ của bảo tàng trong việc: “Tổ chức hoạt động dịch vụ phục vụ khách tham quan” (khoản 7 Điều 48): Tổ chức các dịch vụ phục vụ khách tham quan là một hoạt động quan trọng của các bảo tàng. Hoạt động này được tổ chức có chất lượng, hiệu quả sẽ góp phần đổi mới các hoạt động bảo tàng, giúp bảo tàng có điều kiện phục vụ đa dạng hơn để thu hút khách tham quan, gắn kết chặt chẽ hoạt động bảo tàng với du lịch, đồng thời tăng cường mối liên hệ giữa bảo tàng với công chúng.

- Sửa đổi, bổ sung quy định về thẩm quyền quyết định thành lập bảo tàng theo hướng phân cấp cho “Bộ trưởng, người đứng đầu ngành, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương quyết định thành lập bảo tàng chuyên ngành thuộc đơn vị trực thuộc theo đề nghị của người đứng đầu đơn vị trực thuộc” (điểm b khoản 1 Điều 50). Cần thiết phải quy định như vậy vì trên thực tế, các bảo tàng chuyên ngành bao gồm 2 cấp quản lý: Bảo tàng chuyên ngành là đơn vị trực tiếp trực thuộc quản lý của Bộ, ngành, đoàn thể ở Trung ương; bảo tàng chuyên ngành trực thuộc các đơn vị trực thuộc Bộ, ngành, đoàn thể ở Trung ương (thuộc các quân khu, quân đoàn, quân chủng, tổng cục, cục, viện, trường đại học...). Do đó, đối với bảo tàng chuyên ngành trực thuộc các đơn vị trực thuộc Bộ, ngành, đoàn thể ở Trung ương thì không nhất thiết phải do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập như quy định trước đây, mà cần phân cấp cho thủ trưởng Bộ, ngành, đoàn thể ở Trung ương quyết định thành lập,

trên cơ sở thỏa thuận của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

Đối với việc thành lập bảo tàng ngoài công lập, lần này Luật đã có quy định mới: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh “cấp giấy phép hoạt động cho bảo tàng ngoài công lập theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập bảo tàng” (điểm c khoản 1 Điều 50). Quy định như vậy là phù hợp với yêu cầu quản lý nhà nước đối với loại hình bảo tàng này, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi hơn cho các tổ chức, cá nhân thuộc các thành phần kinh tế tiến hành thành lập, tổ chức các hoạt động bảo tàng.

Như vậy, những nội dung được sửa đổi, bổ sung tại một số điều của Luật di sản văn hóa đã phản ánh một bước chuyển biến rõ rệt, tích cực về nhận thức và quyết tâm của chúng ta trên hành trình bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa dân tộc, được thể hiện cụ thể qua việc tạo lập một hành lang pháp luật rộng mở, tạo điều kiện thuận lợi cho các hoạt động trên lĩnh vực này phát triển. Những nội dung được sửa đổi, bổ sung đó vừa đảm bảo sự tiếp cận những nhận thức mới về khoa học bảo tồn di sản văn hóa của quốc tế và tuân thủ những công ước quốc tế mà Việt Nam đã ký kết hoặc tham gia, vừa đảm bảo phù hợp thực tiễn phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Điều đó đảm bảo tính khả thi cao của *Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật di sản văn hóa*.

III. Một số văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thi hành Luật sửa đổi một số điều của Luật di sản văn hóa cần kịp thời xây dựng, ban hành

Theo quy định của *Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật di sản văn hóa*, Chính phủ và Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm ban hành các văn bản quy phạm pháp luật sau đây để hướng dẫn chi tiết việc thi hành Luật:

1. Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật di sản văn hóa.

2. Nghị định của Chính phủ về việc tôn vinh, phong tặng danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân”, “Nghệ nhân ưu tú” trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể.

3. Nghị định của Chính phủ về chính sách

đãi ngộ đối với nghệ nhân có tài năng xuất sắc, nắm giữ và có công bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể.

4. Nghị định của Chính phủ quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục lập, phê duyệt quy hoạch, dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích.

5. Thông tư của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn thực hiện tổ chức kiểm kê và lập hồ sơ khoa học di sản văn hóa phi vật thể.

6. Thông tư của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn việc bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích.

7. Thông tư của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề, chứng chỉ hành nghề cho Tổ chức, cá nhân chủ trì lập quy hoạch, dự án hoặc chủ trì tổ chức thi công, giám sát thi công dự án bảo quản, tu bổ và phục hồi di tích.

8. Thông tư của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định trình tự, thủ tục công nhận bảo vật quốc gia.

9. Thông tư của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định điều kiện thành lập và hoạt động của các cơ sở giám định cổ vật.

10. Thông tư của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về tổ chức hoạt động dịch vụ của bảo tàng phục vụ khách tham quan.

11. Thông tư của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về tổ chức và hoạt động của bảo tàng Việt Nam.

Tất cả các văn bản trên đây đều phải được khẩn trương tổ chức nghiên cứu xây dựng để kịp ban hành khi Luật có hiệu lực. Nhiệm vụ này đòi hỏi sự đóng góp công sức, trí tuệ của toàn ngành, cùng các cán bộ quản lý, các nhà khoa học và các tổ chức xã hội nghề nghiệp có liên quan để giải quyết. Chắc chắn, đây là những công việc hết sức khó khăn, phức tạp, nhưng chúng ta vẫn phải tập trung giải quyết một cách tốt nhất, vì điều đó là một trong những yếu tố tiên quyết đảm bảo tính khả thi cao của *Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật di sản văn hóa*.